

Hoạt động giao dịch giảm mạnh

Thống kê thị trường

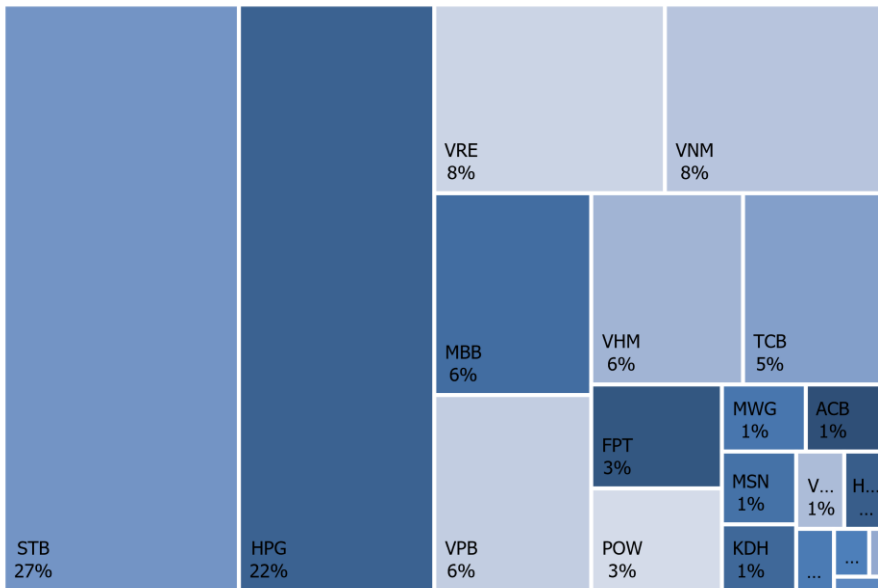
Trong tuần trước, hoạt động giao dịch giảm mạnh trên thị trường chứng quyền. Bên cạnh đó, giá trị giao dịch cũng giảm đáng kể, ghi nhận ở mức 44 tỷ VND, giảm 40% WoW. Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, chứng quyền có tài sản cơ sở là STB thu hút phần lớn hoạt động giao dịch, tiếp đến là HPG và VRE. Với mã chứng quyền CSTB2215 (7.2%) ghi nhận hoạt động giao dịch lớn nhất, tiếp đến là CHPG2225 (4.7%) và CHPG2224 (-31.5%).

Hoạt động giao dịch khối ngoại

Với hoạt động giao dịch khối ngoại, áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế. Giá trị bán ròng ghi nhận ở 1.5 tỷ đồng. Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, khối ngoại tập trung vào những mã chứng quyền có tài sản cơ sở là STB, tiếp đến là HPG và VHM.

Với mã chứng quyền, CSTB2222 (3.3%), CSTB2215 (7.2%), và CVNM2207 (4.2%) thu hút phần lớn lực cầu ngoại trong khi áp lực bán tập trung chủ yếu trên CVRE2218 (-29.0%), CHPG2224 (-31.5%), và CVHM2213 (-17.6%).

Hình 1. Giá trị giao dịch của CW theo TSCS

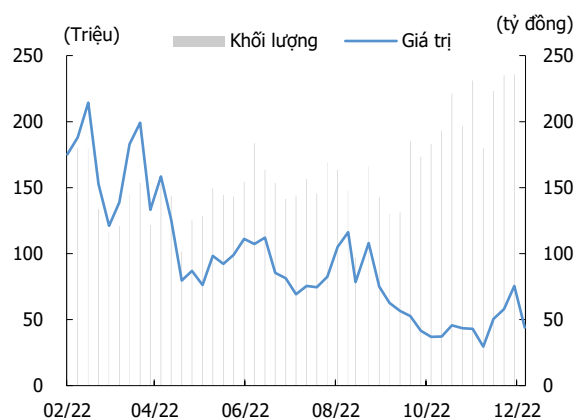


Nguồn: FiinPro, KIS

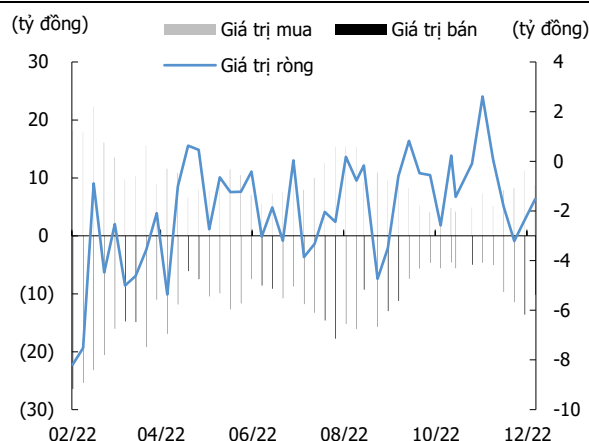
Bảng 1. Thống kê thị trường

Chứng quyền	105
Khối lượng giao dịch (triệu)	148
Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	44
CW tăng giá	12
CW giảm giá	79
CW tham chiếu	8

Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 2. Khối lượng và giá trị giao dịch CW

Nguồn: FiinPro, KIS

Hình 3. Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 3. Top 10 nước ngoài mua ròng (đồng, %tuần, tỷ đồng)

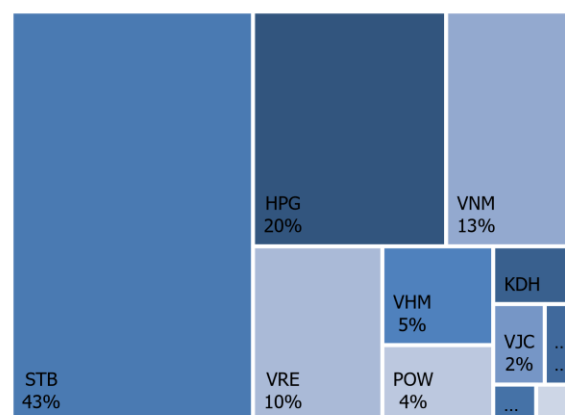
Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CSTB2222	01/03/2023	1,250	3.3	1,107	236	871
CSTB2215	28/03/2023	890	7.2	2,345	1,723	622
CVNM2207	28/03/2023	1,000	4.2	1,302	723	579
CVNM2209	10/03/2023	620	5.1	268	147	121
CMSN2209	28/03/2023	370	(14.0)	109	57	51
CVRE2209	27/12/2022	10	(80.0)	39	14	26
CSTB2211	27/12/2022	30	(70.0)	24	11	13
CHPG2214	03/01/2023	10	(50.0)	9	1	8
CVRE2219	06/06/2023	690	(16.9)	7	-	7
CVRE2216	31/08/2023	640	(19.0)	6	-	6

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 2. Top 10 giá trị giao dịch (đồng, % tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Giá trị giao dịch
CSTB2215	28/03/2023	890	7.2	4.1
CHPG2225	06/06/2023	1,550	4.7	3.05
CHPG2224	01/03/2023	370	(31.5)	3
CHPG2221	31/03/2023	140	(17.6)	2.54
CSTB2218	31/03/2023	350	(2.8)	2.26
CSTB2223	01/03/2023	1,100	10.0	2.16
CVNM2207	28/03/2023	1,000	4.2	2.03
CSTB2222	01/03/2023	1,250	3.3	1.99
CTCB2214	06/06/2023	1,410	(10.2)	1.71
CVRE2218	01/03/2023	440	(29.0)	1.38

Nguồn: FiinPro, KIS

Hình 4. Hoạt động giao dịch nước ngoài theo TSCS

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 4. Top 10 nước ngoài bán ròng (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CVRE2218	01/03/2023	440	(29.0)	310	1,064	(754)
CHPG2224	01/03/2023	370	(31.5)	1,199	1,774	(574)
CVHM2213	10/03/2023	140	(17.6)	77	380	(303)
CPOW2204	28/03/2023	200	(13.0)	75	339	(264)
CKDH2209	28/03/2023	190	(36.7)	86	310	(224)
CSTB2223	01/03/2023	1,100	10.0	1,126	1,335	(209)
CPOW2209	10/04/2023	180	(18.2)	4	194	(190)
CSTB2213	03/01/2023	70	(12.5)	25	112	(88)
CVRE2211	28/03/2023	320	(25.6)	94	182	(88)
CVHM2217	01/03/2023	510	(19.0)	67	139	(73)

Nguồn: FiinPro, KIS

Bảng 5. CW và TSCS

(Tỷ đồng, % tuần, Chứng

quyền)

TSCS	Tên	Ngành	Vốn hóa	Sở hữu nước ngoài	Số chứng quyền	Vốn hóa CW	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	77,343	30	2	6	0	3,191,300
BID	BIDV	Tài chính	197,282	17	-	-	-	-
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	35,557	27	-	-	-	-
CTG	VietinBank	Tài chính	132,879	28	-	-	-	-
FPT	FPT Corp	CNTT	85,568	49	6	27	1	2,612,901
GAS	PV Gas	DV tiện ích	194,266	3	-	-	-	-
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	57,400	1	-	-	-	-
HDB	HDBank	Tài chính	42,759	18	3	2	0	1,078,000
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	106,701	21	11	41	10	44,381,700
KDH	Nhà Khang Điền	Bất động sản	18,817	37	4	1	0	3,237,900
MBB	MBBank	Tài chính	80,478	23	7	13	3	19,026,400
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	135,254	30	8	7	0	1,882,200
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	67,023	49	6	6	1	3,859,908
NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	29,447	6	5	1	0	2,732,800
PDR	BDS Phát Đạt	Bất động sản	8,765	5	3	1	0	1,415,100
PLX	Petrolimex	Năng lượng	39,261	18	-	-	-	-
POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	DV tiện ích	25,643	5	5	6	1	5,352,000
SAB	SABECO	TD thiết yếu	112,224	63	-	-	-	-
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	27,251	41	-	-	-	-
STB	Sacombank	Tài chính	44,303	27	9	49	12	25,947,300
TCB	Techcombank	Tài chính	97,076	22	8	11	2	5,802,700
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	34,799	30	2	6	0	1,529,100
VCB	Vietcombank	Tài chính	374,342	24	-	-	-	-
VHM	Vinhomes	Bất động sản	216,848	24	9	19	3	11,850,101
VIB	VIBBank	Tài chính	41,416	21	-	-	-	-
VIC	VinGroup	Bất động sản	210,148	13	-	-	-	-
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	60,390	17	3	2	0	1,421,100
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	159,255	56	4	32	4	3,360,600
VPB	VPBank	Tài chính	123,187	18	5	15	3	10,515,700
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	58,626	32	10	32	4	11,553,300

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, KIS

CW: Chứng quyền

TSCS: Tài sản cơ sở

Bảng 6. CW trên thị trường

(đồng, %)

Stt	Mã	CW			TSCS			% Premium	Số phiên còn lại	Ngày giao dịch cuối cùng
		Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Giá đóng cửa	TSCS	Giá thực hiện	Giá hòa vốn			

Nguồn: Bloomberg, Fiiipro, KIS
CW: Chứng quyền

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2022 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..